

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỦY SẢN  
MEKONG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY SẢN MEKONG  
DN:  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
1800448811, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY SẢN MEKONG, S=Cần Thơ,  
C=VN  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location here  
Date: 2025-02-26 08:32:23  
Foxit Reader Version: 9.7.2

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                         | <b>Trang</b>   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                       | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>                                                                 | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                     | <b>4</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>                                            | <b>5 - 8</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b> | <b>9</b>       |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br/>cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>       | <b>10 - 11</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>    | <b>12 - 38</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>                                                                                       | <b>39</b>      |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm thuộc Công ty Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800448811 (số cũ là 5703000016), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 12 tháng 9 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

#### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 0292.3.841.294
- Fax : 0292.3.841.192

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| <u>Tên đơn vị</u>                                                          | <u>Địa chỉ</u>                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong - Địa điểm kinh doanh Tam Bình - Vĩnh Long | Thửa đất số 1199, tờ bản đồ số 9, tổ 34, ấp Đông Hậu, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long  |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong - Địa điểm kinh doanh Trà Ôn - Vĩnh Long   | Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, tổ 24, ấp Tích Phú, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long |

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; xuất nhập khẩu các mặt hàng thủy sản tươi, đông lạnh và các mặt hàng thực phẩm khác; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| <u>Họ và tên</u>          | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>     |
|---------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Lương Hoàng Mạnh      | Chủ tịch       | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022 |
| Ông Lương Hoàng Duy       | Phó Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022 |
| Ông Lương Hoàng Khánh Duy | Ủy viên        | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn       | Ủy viên        | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022     |
| Ông Lê Việt Thắng         | Ủy viên        | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022     |

#### **Ban kiểm soát**

| <u>Họ và tên</u>          | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>                             |
|---------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan     | Trưởng ban     | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022                                    |
| Bà Trần Thị Bé Năm        | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022                                        |
| Ông Nguyễn Bùi Phương Bắc | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2024<br>Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2024 |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## Ban Giám đốc

| Họ và tên                  | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm                     |
|----------------------------|--------------|-----------------------------------|
| Bà Nguyễn Châu Hoàng Quyên | Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Lương Hoàng Khánh Duy  | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 3 năm 2020 |
| Ông Lương Hoàng Duy        | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Hoàng Mạnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lương Hoàng Mạnh  
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

Số: 4.0056/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyễn Quốc Ngự****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2025

**Nguyễn Hữu Nghi****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>165.582.776.376</b> | <b>173.748.814.806</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>62.696.698.955</b>  | <b>22.888.984.646</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 12.696.698.955         | 22.888.984.646         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 50.000.000.000         | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>39.920</b>          | <b>5.000.039.920</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        | V.2a        | 39.920                 | 39.920                 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2b        | -                      | 5.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>9.037.864.729</b>   | <b>13.844.480.998</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 5.449.098.127          | 12.105.203.320         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 94.864.000             | 97.864.000             |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 5.049.995.477          | 3.125.343.678          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (1.556.092.875)        | (1.483.930.000)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>89.003.722.128</b>  | <b>127.268.351.742</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 89.003.722.128         | 127.268.351.742        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>4.844.450.644</b>   | <b>4.746.957.500</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                      | -                      |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 4.670.097.573          | 4.572.604.429          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.13        | 174.353.071            | 174.353.071            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>36.770.462.951</b>  | <b>39.108.508.899</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>21.723.875.683</b>  | <b>23.645.202.399</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 3.656.150.014          | 4.941.715.290          |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 92.260.547.390         | 92.155.547.390         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (88.604.397.376)       | (87.213.832.100)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 18.067.725.669         | 18.703.487.109         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 27.837.973.495         | 27.837.973.495         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (9.770.247.826)        | (9.134.486.386)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>14.646.587.268</b>  | <b>14.823.306.500</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2c        | 10.688.386.500         | 10.688.386.500         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2c        | 4.134.920.000          | 4.134.920.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2c        | (176.719.232)          | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>400.000.000</b>     | <b>640.000.000</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8         | 400.000.000            | 640.000.000            |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>202.353.239.327</b> | <b>212.857.323.705</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>6.013.144.141</b> | <b>10.221.544.787</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>4.931.214.445</b> | <b>9.148.047.007</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 2.401.119.321        | 5.888.061.728         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 378.766.550          | 365.202.600           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 2.066.690            | 3.722.640             |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 625.407.542          | -                     |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 37.730.000           | -                     |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                    | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                    | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                    | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a       | 93.105.787           | 126.875.816           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                    | -                     |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                    | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 1.393.018.555        | 2.764.184.223         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                    | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                    | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>1.081.929.696</b> | <b>1.073.497.780</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                    | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                    | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                    | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                    | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                    | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                    | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.16b       | 1.035.000.000        | 1.035.000.000         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                    | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                    | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                    | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        | V.18        | 46.929.696           | 38.497.780            |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                    | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                    | -                     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>196.340.095.186</b> | <b>202.635.778.918</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>196.340.095.186</b> | <b>202.635.778.918</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.19a       | 123.464.110.000        | 123.464.110.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 123.464.110.000        | 123.464.110.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.19a       | 93.325.820.793         | 93.325.820.793         |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        | V.19a       | 1.287.760.139          | 1.287.760.139          |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        | V.19a       | (27.814.422.389)       | (27.814.422.389)       |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.19a       | 5.837.847.302          | 5.837.847.302          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.19a       | 238.979.341            | 6.534.663.073          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 6.534.663.073          | 6.534.663.073          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | (6.295.683.732)        | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>202.353.239.327</b> | <b>212.857.323.705</b> |



Nguyễn Hoàng Anh  
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Lương Hoàng Mạnh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 153.483.344.374 | 139.259.201.598 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | -               | 2.495.859.200   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 153.483.344.374 | 136.763.342.398 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 149.123.679.899 | 135.861.757.126 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 4.359.664.475   | 901.585.272     |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 3.319.117.481   | 4.864.230.762   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 511.785.674     | 114.166.525     |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -               | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 6.104.094.639   | 3.971.638.521   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 4.772.225.033   | 6.001.675.362   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | (3.709.323.390) | (4.321.664.374) |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 483.566.310     | 5.119.870.226   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 3.061.494.736   | 780.000         |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (2.577.928.426) | 5.119.090.226   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | (6.287.251.816) | 797.425.852     |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.13        | -               | 126.816.929     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    | VI.10       | 8.431.916       | (32.541.962)    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | (6.295.683.732) | 703.150.885     |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.11a,b    | (602)           | 40              |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.11a,b    | (602)           | 40              |



Nguyễn Hoàng Anh  
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Lương Hoàng Mạnh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh     | Năm nay         | Năm trước        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|-----------------|------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |       |                 |                 |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01    |                 | (6.287.251.816) | 797.425.852      |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |       |                 |                 |                  |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02    | V.9, V.10, V.17 | 1.942.401.752   | 2.622.589.146    |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03    | V.2c, V.6       | 248.882.107     | 295.872.500      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    | VI.4            | (350.594.642)   | (256.651.868)    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05    | VI.4            | (616.703.590)   | (3.503.203.636)  |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06    |                 | -               | -                |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07    |                 | -               | -                |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08    |                 | (5.063.266.189) | (43.968.006)     |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09    |                 | 4.735.260.343   | (3.871.153.989)  |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10    |                 | 38.264.629.614  | (25.396.400.052) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11    |                 | (2.845.666.894) | 2.100.072.254    |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12    |                 | 240.000.000     | 240.000.000      |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13    |                 | -               | 4.134.920.000    |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14    |                 | -               | -                |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15    |                 | -               | (1.220.417.332)  |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16    | V.17            | 70.500.000      | 93.000.000       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17    | V.17            | (1.357.740.704) | (266.900.000)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                              | 20    |                 | 34.043.716.170  | (24.230.847.125) |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |       |                 |                 |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21    | V.9             | (105.000.000)   | (238.000.000)    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22    |                 | -               | -                |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23    |                 | -               | (25.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24    | V.2b            | 5.000.000.000   | 69.000.000.000   |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25    |                 | -               | (4.134.920.000)  |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26    |                 | -               | -                |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27    | V.5, VI.4       | 548.429.617     | 4.374.674.869    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                  | 30    |                 | 5.443.429.617   | 44.001.754.869   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                       |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                     | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        |             | -                     | -                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        |             | -                     | -                      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                     | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | -                     | (7.315.827.400)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>-</b>              | <b>(7.315.827.400)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>39.487.145.787</b> | <b>12.455.080.344</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>22.888.984.646</b> | <b>10.250.896.174</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 320.568.522           | 183.008.128            |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>62.696.698.955</b> | <b>22.888.984.646</b>  |

Nguyễn Hoàng Anh  
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Lương Hoàng Mạnh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; xuất nhập khẩu các mặt hàng thủy sản tươi, đông lạnh và các mặt hàng thực phẩm khác; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ có trụ sở chính tại Lô 17F1, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội ngoại thất, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 44,98%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ

| Tên đơn vị                                                                 | Địa chỉ                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong - Địa điểm kinh doanh Tam Bình - Vĩnh Long | Thửa đất số 1199, tờ bản đồ số 9, tổ 34, ấp Đông Hậu, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long  |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong - Địa điểm kinh doanh Trà Ôn - Vĩnh Long   | Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, tổ 24, ấp Tích Phú, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long |

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 114 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 176 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chỉ gồm tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 10       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 - 07       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05 - 07       |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### **16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### 20. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                                 | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt                                                                        | 12.109.582     | 26.550.624     |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                                 | 12.684.589.373 | 22.862.434.022 |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 50.000.000.000 | -              |
| Cộng                                                                            | 62.696.698.955 | 22.888.984.646 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

|                                   | Số cuối năm |                |          | Số đầu năm |                |          |
|-----------------------------------|-------------|----------------|----------|------------|----------------|----------|
|                                   | Giá gốc     | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc    | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu                          |             |                |          |            |                |          |
| Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh | 39.920      | 166.500        | -        | 39.920     | 164.400        | -        |
| Cộng                              | 39.920      | 166.500        | -        | 39.920     | 164.400        | -        |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                    | Số cuối năm |                | Số đầu năm    |                |
|--------------------|-------------|----------------|---------------|----------------|
|                    | Giá gốc     | Giá trị ghi sổ | Giá gốc       | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn           |             |                |               |                |
| Tiền gửi có kỳ hạn | -           | -              | 5.000.000.000 | 5.000.000.000  |
| Cộng               | -           | -              | 5.000.000.000 | 5.000.000.000  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                                                  | Số cuối năm           |                      | Số đầu năm            |          |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------|
|                                                                  | Giá gốc               | Dự phòng             | Giá gốc               | Dự phòng |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                               | <b>10.688.386.500</b> | <b>(176.719.232)</b> | <b>10.688.386.500</b> | <b>-</b> |
| Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ <sup>(i)</sup> | 10.688.386.500        | (176.719.232)        | 10.688.386.500        | -        |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                            | <b>4.134.920.000</b>  | <b>-</b>             | <b>4.134.920.000</b>  | <b>-</b> |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long <sup>(ii)</sup>                | 4.134.920.000         | -                    | 4.134.920.000         | -        |
| <b>Cộng</b>                                                      | <b>14.823.306.500</b> | <b>(176.719.232)</b> | <b>14.823.306.500</b> | <b>-</b> |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800159418 thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ là 647.781 cổ phần, chiếm 44,98% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.
- (ii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long là 237.082 cổ phần, chiếm 2,67% vốn điều lệ.

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                              | Năm nay            | Năm trước |
|------------------------------|--------------------|-----------|
| Số đầu năm                   | -                  | -         |
| Trích lập dự phòng trong năm | 176.719.232        | -         |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>176.719.232</b> | <b>-</b>  |

#### Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ là công ty liên kết như sau:

|                       | Năm nay    | Năm trước   |
|-----------------------|------------|-------------|
| Mua vật liệu xây dựng | -          | 5.533.165   |
| Doanh thu cho thuê    | 43.636.368 | 43.636.368  |
| Nhận cổ tức được chia | -          | 323.890.500 |

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                               | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|-----------------------------------------------|---------------|---------------|
| Brasmar - Comercio De Produtos Alimentares SA | -             | 6.852.975.360 |
| Corporacion Alimentaria Vima SL               | -             | 2.103.147.200 |
| M/S Al Sarab Foodstuff Trading LLC            | 1.556.092.875 | 1.483.930.000 |
| Coastal Fish Co (Workman Co)                  | 1.966.860.992 | -             |
| Halker KFT                                    | 1.155.483.740 | -             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                          |  |                      |                       |
|--------------------------|--|----------------------|-----------------------|
|                          |  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>     |
| Food Mentors Trading LTD |  | 770.660.520          | -                     |
| Các khách hàng khác      |  | -                    | 1.665.150.760         |
| Cộng                     |  | <u>5.449.098.127</u> | <u>12.105.203.320</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                         |                    |                   |
|-------------------------|--------------------|-------------------|
|                         | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Công ty Cổ phần Hatecco | 64.864.000         | 64.864.000        |
| Các nhà cung cấp khác   | 30.000.000         | 33.000.000        |
| Cộng                    | <u>94.864.000</u>  | <u>97.864.000</u> |

5. Phải thu ngắn hạn khác

|                                  |                      |                 |                      |                 |
|----------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                  | <u>Số cuối năm</u>   |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|                                  | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| Đại lý cá - Ứng tiền nuôi cá     | 2.300.000.000        | -               | 2.300.000.000        | -               |
| Tạm ứng                          | 1.510.142.500        | -               | 502.124.500          | -               |
| Lãi tiền gửi phải thu            | 196.493.151          | -               | 128.219.178          | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.043.359.826        | -               | 195.000.000          | -               |
| Cộng                             | <u>5.049.995.477</u> | -               | <u>3.125.343.678</u> | -               |

6. Nợ xấu

|                                    |                          |                      |                               |                          |                      |                               |
|------------------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------|
|                                    |                          | <u>Số cuối năm</u>   |                               |                          | <u>Số đầu năm</u>    |                               |
|                                    | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> |
| M/S Al Sarab Foodstuff Trading LLC | Trên 3 năm               | 1.556.092.875        | -                             | Trên 3 năm               | 1.483.930.000        | -                             |
| Cộng                               |                          | <u>1.556.092.875</u> | -                             |                          | <u>1.483.930.000</u> | -                             |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                              |                      |                      |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
|                              | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
| Số đầu năm                   | 1.483.930.000        | 1.188.057.500        |
| Trích lập dự phòng trong năm | 72.162.875           | 295.872.500          |
| Số cuối năm                  | <u>1.556.092.875</u> | <u>1.483.930.000</u> |

7. Hàng tồn kho

|                                      |                       |                 |                        |                 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|                                      | <u>Số cuối năm</u>    |                 | <u>Số đầu năm</u>      |                 |
|                                      | <u>Giá gốc</u>        | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>         | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 537.397.919           | -               | 590.812.015            | -               |
| Công cụ, dụng cụ                     | 429.165.302           | -               | 504.768.064            | -               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 24.349.739.520        | -               | 38.992.579.217         | -               |
| Thành phẩm                           | 63.687.419.387        | -               | 87.180.192.446         | -               |
| Cộng                                 | <u>89.003.722.128</u> | -               | <u>127.268.351.742</u> | -               |

8. Chi phí trả trước dài hạn

|               |                    |                    |
|---------------|--------------------|--------------------|
|               | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
| Tiền thuê đất | 400.000.000        | 640.000.000        |
| Cộng          | <u>400.000.000</u> | <u>640.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

|                                             | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng           |
|---------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------|
| Nguyên giá                                  |                           |                        |                                       |                                 |                |
| Số đầu năm                                  | 22.393.851.292            | 61.434.940.175         | 8.068.421.973                         | 258.333.950                     | 92.155.547.390 |
| Mua trong năm                               | -                         | 105.000.000            | -                                     | -                               | 105.000.000    |
| Số cuối năm                                 | 22.393.851.292            | 61.539.940.175         | 8.068.421.973                         | 258.333.950                     | 92.260.547.390 |
| Trong đó:                                   |                           |                        |                                       |                                 |                |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | 22.175.144.096            | 56.913.437.448         | 4.022.250.363                         | 258.333.950                     | 83.369.165.857 |
| Giá trị hao mòn                             |                           |                        |                                       |                                 |                |
| Số đầu năm                                  | 22.302.401.624            | 59.624.651.364         | 5.028.445.162                         | 258.333.950                     | 87.213.832.100 |
| Khấu hao trong năm                          | 87.926.056                | 898.022.056            | 404.617.164                           | -                               | 1.390.565.276  |
| Số cuối năm                                 | 22.390.327.680            | 60.522.673.420         | 5.433.062.326                         | 258.333.950                     | 88.604.397.376 |
| Giá trị còn lại                             |                           |                        |                                       |                                 |                |
| Số đầu năm                                  | 91.449.668                | 1.810.288.811          | 3.039.976.811                         | -                               | 4.941.715.290  |
| Số cuối năm                                 | 3.523.612                 | 1.017.266.755          | 2.635.359.647                         | -                               | 3.656.150.014  |

10. Tài sản cố định vô hình

|                    | Quyền sử dụng đất |
|--------------------|-------------------|
| Nguyên giá         |                   |
| Số đầu năm         | 27.837.973.495    |
| Số cuối năm        | 27.837.973.495    |
| Giá trị hao mòn    |                   |
| Số đầu năm         | 9.134.486.386     |
| Khấu hao trong năm | 635.761.440       |
| Số cuối năm        | 9.770.247.826     |
| Giá trị còn lại    |                   |
| Số đầu năm         | 18.703.487.109    |
| Số cuối năm        | 18.067.725.669    |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                              | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|----------------------------------------------|---------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn |               |               |
| Gia súc                                      | 1.436.000.000 | 2.857.500.000 |
| Công ty TNHH King Group                      | 445.704.660   | 432.651.812   |
| Các nhà cung cấp khác                        | 519.414.661   | 2.597.909.916 |
| Cộng                                         | 2.401.119.321 | 5.888.061.728 |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                          | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Almtwakel Alla Allah for Import & Export | -                  | 349.305.000        |
| Ocean Treasure Foods Limited             | 162.868.950        | -                  |
| Công ty TNHH Việt Hiếu Nghĩa             | 100.000.000        | -                  |
| Công ty TNHH Ken Ken Việt Nam Chế biến   |                    |                    |
| Thực phẩm Xuất khẩu                      | 50.000.000         | -                  |
| Công ty TNHH Lương Ngọc Hạnh             | 50.000.000         | -                  |
| Các khách hàng khác                      | 15.897.600         | 15.897.600         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>378.766.550</b> | <b>365.202.600</b> |

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm       |                    | Số phát sinh trong năm |                      | Số cuối năm      |                    |
|----------------------------|------------------|--------------------|------------------------|----------------------|------------------|--------------------|
|                            | Phải nộp         | Phải thu           | Số phải nộp            | Số đã thực nộp       | Phải nộp         | Phải thu           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                | 174.353.071        | -                      | -                    | -                | 174.353.071        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 3.373.040        | -                  | 19.538.853             | (21.146.003)         | 1.765.890        | -                  |
| Thuế tài nguyên            | 349.600          | -                  | 6.532.400              | (6.581.200)          | 300.800          | -                  |
| Tiền thuê đất              | -                | -                  | 71.276.669             | (71.276.669)         | -                | -                  |
| Các loại thuế khác         | -                | -                  | 12.153.722             | (12.153.722)         | -                | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>3.722.640</b> | <b>174.353.071</b> | <b>109.501.644</b>     | <b>(111.157.594)</b> | <b>2.066.690</b> | <b>174.353.071</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                           |                     |
|---------------------------|---------------------|
| Hàng hóa xuất khẩu        | 0%                  |
| Hàng hóa tiêu thụ nội địa | Không chịu thuế, 5% |
| Dịch vụ                   | 10%                 |

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế với thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Năm nay         | Năm trước     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | (6.287.251.816) | 797.425.852   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                 |               |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 3.720.023.091   | 885.515.159   |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | (350.594.642)   | (256.651.868) |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | (2.917.823.367) | 1.426.289.143 |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | -               | (798.054.500) |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | (2.917.823.367) | 628.234.643   |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%             | 20%           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông                                             | -               | 125.646.929   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông                      | -               | -             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp                                                                      | -               | 125.646.929   |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước                                             | -               | 1.170.000     |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp                                                             | -               | 126.816.929   |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 5.000 VND/m<sup>3</sup> với thuế suất 3%;
- Nước dưới đất: 5.000 VND/m<sup>3</sup> với thuế suất là 8%.

Tiền thuê đất

Công ty thuê đất với Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 20/4/2016:

- Diện tích đất thuê: 1.776,1 m<sup>2</sup>.
- Thời hạn thuê: 50 năm kể từ ngày 10/3/2004 đến ngày 10/3/2054.
- Tiền thuê được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 năm 2024 còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-------------|------------|
| Tiền com nhân viên                 | 36.580.000  | -          |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 1.150.000   | -          |
| Cộng                               | 37.730.000  | -          |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

|                    | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|--------------------|-------------|-------------|
| Kinh phí công đoàn | 93.105.787  | 126.875.816 |
| Cộng               | 93.105.787  | 126.875.816 |

16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                            | Số đầu năm    | Tăng khác  | Chi quỹ trong năm | Hao mòn tài sản cố định | Số cuối năm   |
|--------------------------------------------|---------------|------------|-------------------|-------------------------|---------------|
| Quỹ khen thưởng                            | 1.419.490.705 | -          | (1.056.444.819)   | -                       | 363.045.886   |
| Quỹ phúc lợi                               | 1.092.918.709 | 70.500.000 | (301.295.885)     | -                       | 862.122.824   |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định | 251.774.809   | -          | -                 | (83.924.964)            | 167.849.845   |
| Cộng                                       | 2.764.184.223 | 70.500.000 | (1.357.740.704)   | (83.924.964)            | 1.393.018.555 |

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

|                                                                                               | Năm nay     | Năm trước    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------|
| Số đầu năm                                                                                    | 38.497.780  | 71.039.742   |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm                                                     | 14.091.416  | (32.541.962) |
| Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (5.659.500) | -            |
| Số cuối năm                                                                                   | 46.929.696  | 38.497.780   |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                                   | Số cuối năm     | Số đầu năm      |
|---------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Ông Lương Hoàng Mãnh                              | 48.797.320.000  | 48.797.320.000  |
| Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ | 7.684.180.000   | 7.684.180.000   |
| Các cổ đông khác                                  | 66.982.610.000  | 66.982.610.000  |
| Cộng                                              | 123.464.110.000 | 123.464.110.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

|                                        | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 12.346.411  | 12.346.411 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.346.411  | 12.346.411 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 12.346.411  | 12.346.411 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | 1.895.229   | 1.895.229  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 1.895.229   | 1.895.229  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 10.451.182  | 10.451.182 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 10.451.182  | 10.451.182 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.AAM.2023 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối như sau:

|                                                                          | VND        |
|--------------------------------------------------------------------------|------------|
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế)               | 70.315.089 |
| • Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (không trực tiếp điều hành) | 87.000.000 |

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                        | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|------------------------|----------------|----------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 469.508.345    | 469.508.345    |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.878.033.380  | 1.878.033.380  |
| Trên 05 năm            | 8.711.379.192  | 9.180.887.537  |
| Cộng                   | 11.058.920.917 | 11.528.429.262 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- ❖ Công ty đã ký hợp đồng thuê lại đất với Công ty Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ theo hợp đồng thuê lại đất số 83HĐ/TLĐ.KCN, ngày 10/7/2006:
  - Diện tích đất thuê: 27.562 m<sup>2</sup>.
  - Thời hạn thuê: 41 năm từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2046.
  - Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 4.200 VND/m<sup>2</sup>/năm.
  - Phí sử dụng cơ sở hạ tầng: 0,2 USD/m<sup>2</sup>/năm.
- ❖ Công ty đã ký hợp đồng thuê lại đất với Công ty TNHH MTV Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ theo hợp đồng thuê lại đất số 03/HĐ/TLĐ.KCN, ngày 28/3/2012:
  - Diện tích đất thuê: 5.666 m<sup>2</sup>.
  - Thời hạn thuê: 40 năm tính từ ngày 27/11/2007 đến hết ngày 06/9/2046.
  - Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 0,7 USD/m<sup>2</sup>/năm.
  - Phí sử dụng cơ sở hạ tầng: 0,2 USD/m<sup>2</sup>/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20b. Ngoại tệ các loại**

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 299.693,86         | 480.407,48        |
| Euro (EUR)      | 639,17             | 28.641,49         |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                              | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm     | 101.265.736.367        | 93.676.467.967         |
| Doanh thu bán phụ phẩm       | 18.954.656.950         | 38.788.274.400         |
| Doanh thu bán cá nguyên liệu | 32.604.500.650         | 6.551.599.000          |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 658.450.407            | 242.860.231            |
| <b>Cộng</b>                  | <b>153.483.344.374</b> | <b>139.259.201.598</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                     | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u>     |
|---------------------|----------------|----------------------|
| Hàng bán bị trả lại | -              | 2.495.859.200        |
| <b>Cộng</b>         | <b>-</b>       | <b>2.495.859.200</b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                   | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán     | 119.797.133.453        | 129.326.485.792        |
| Giá vốn của cá nguyên liệu đã bán | 29.326.546.446         | 6.535.271.334          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>149.123.679.899</b> | <b>135.861.757.126</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                                             | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 613.315.069          | 2.699.886.530        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn                                                   | 14.090.412           | 17.595.573           |
| Lãi tiền cho vay                                                            | 3.388.521            | 5.262.606            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                 | -                    | 798.054.500          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh                                             | 2.337.728.837        | 1.086.779.685        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 350.594.642          | 256.651.868          |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>3.319.117.481</b> | <b>4.864.230.762</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                                   | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>   |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh    | 335.066.442        | 114.166.525        |
| Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư | 176.719.232        | -                  |
| <b>Cộng</b>                       | <b>511.785.674</b> | <b>114.166.525</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Chi phí bán hàng

|                          | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí vận chuyển       | 4.989.738.325        | 1.473.797.176        |
| Chi phí hoa hồng         | 16.608.900           | 97.786.800           |
| Chi phí tham gia hội chợ | 17.220.351           | 69.161.565           |
| Các chi phí khác         | 1.080.527.063        | 2.330.892.980        |
| <b>Cộng</b>              | <b>6.104.094.639</b> | <b>3.971.638.521</b> |

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 2.921.135.470        | 3.091.173.007        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 404.997.151          | 633.050.839          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 89.962.791           | 90.228.579           |
| Chi phí trợ cấp thôi việc        | 18.188.648           | 13.910.000           |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 72.162.875           | 295.872.500          |
| Các chi phí khác                 | 1.265.778.098        | 1.877.440.437        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.772.225.033</b> | <b>6.001.675.362</b> |

#### 8. Thu nhập khác

|                                                     | Năm nay            | Năm trước            |
|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Thu hỗ trợ kỹ thuật                                 | 483.566.310        | 2.788.874.165        |
| Thu tiền hỗ trợ bồi thường dự án bờ kè Sông Cần Thơ | -                  | 1.759.792.061        |
| Thu nhập từ tiền đặt cọc bị hủy                     | -                  | 571.204.000          |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>483.566.310</b> | <b>5.119.870.226</b> |

#### 9. Chi phí khác

|                                                       | Năm nay              | Năm trước      |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------|
| Chi phí sản xuất chung trong giai đoạn ngừng sản xuất | 3.061.397.299        | -              |
| Chi phí khác                                          | 97.437               | 780.000        |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>3.061.494.736</b> | <b>780.000</b> |

#### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

|                                                                                                          | Năm nay          | Năm trước           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế    | 14.091.416       | -                   |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ    | (5.659.500)      | -                   |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | -                | (32.541.962)        |
| <b>Cộng</b>                                                                                              | <b>8.431.916</b> | <b>(32.541.962)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Lãi trên cổ phiếu

##### 11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                                                                       | Năm nay         | Năm trước     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                      | (6.295.683.732) | 703.150.885   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                                                       | -               | (70.315.089)  |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát                                                                              | -               | (217.500.000) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -               | -             |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                                                                      | (6.295.683.732) | 415.335.796   |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm                                           | 10.451.182      | 10.451.182    |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                                                              | <b>(602)</b>    | <b>40</b>     |

##### 11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay               | Năm trước              |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 60.649.836.795        | 127.134.883.862        |
| Chi phí nhân công                | 11.735.841.902        | 15.832.132.312         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.942.401.752         | 2.622.589.146          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.096.310.016         | 1.971.595.055          |
| Chi phí khác                     | 15.454.445.984        | 17.326.031.703         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>94.878.836.449</b> | <b>164.887.232.078</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

|                            | Chức danh                                                         | Tiền lương  | Thưởng      | Thù lao     | Cộng thu nhập |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|---------------|
| Năm nay                    |                                                                   |             |             |             |               |
| Ông Lương Hoàng Mãnh       | Chủ tịch Hội đồng quản trị                                        | 144.200.000 | 16.000.000  | -           | 160.200.000   |
| Ông Lương Hoàng Duy        | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc                  | 160.216.000 | 16.000.000  | -           | 176.216.000   |
| Ông Lương Hoàng Khánh Duy  | Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc                       | 153.780.000 | 15.000.000  | -           | 168.780.000   |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn        | Ủy viên Hội đồng quản trị                                         | -           | -           | -           | -             |
| Ông Lê Việt Thắng          | Ủy viên Hội đồng quản trị                                         | -           | -           | -           | -             |
| Bà Nguyễn Châu Hoàng Quyên | Giám đốc                                                          | 142.380.000 | 14.000.000  | -           | 156.380.000   |
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan      | Trưởng Ban Kiểm soát                                              | -           | -           | -           | -             |
| Bà Trần Thị Bé Năm         | Thành viên Ban Kiểm soát (Đã miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2024) | -           | -           | -           | -             |
| Ông Nguyễn Bùi Phương Bắc  | Thành viên Ban Kiểm soát                                          | 87.777.034  | 7.107.893   | -           | 94.884.927    |
| Cộng                       |                                                                   | 688.353.034 | 68.107.893  | -           | 756.460.927   |
| Năm trước                  |                                                                   |             |             |             |               |
| Ông Lương Hoàng Mãnh       | Chủ tịch Hội đồng quản trị                                        | 188.811.764 | 50.000.000  | 108.000.000 | 346.811.764   |
| Ông Nguyễn Hoàng Nhơn      | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị                                    | -           | -           | 31.500.000  | 31.500.000    |
| Ông Lương Hoàng Duy        | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc                  | 203.987.037 | 20.000.000  | 63.000.000  | 286.987.037   |
| Ông Lương Hoàng Khánh Duy  | Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc                       | 204.452.596 | 20.000.000  | 54.000.000  | 278.452.596   |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn        | Ủy viên Hội đồng quản trị                                         | -           | -           | 36.000.000  | 36.000.000    |
| Ông Lê Việt Thắng          | Ủy viên Hội đồng quản trị                                         | -           | -           | 36.000.000  | 36.000.000    |
| Bà Nguyễn Châu Hoàng Quyên | Giám đốc                                                          | 176.342.235 | 15.000.000  | -           | 191.342.235   |
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan      | Trưởng Ban Kiểm soát                                              | -           | -           | 54.000.000  | 54.000.000    |
| Bà Trần Thị Bé Năm         | Thành viên Ban Kiểm soát                                          | -           | -           | 36.000.000  | 36.000.000    |
| Bà Tô Thị Cúc              | Thành viên Ban Kiểm soát                                          | -           | -           | 24.000.000  | 24.000.000    |
| Cộng                       |                                                                   | 773.593.632 | 105.000.000 | 442.500.000 | 1.321.093.632 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ là công ty liên kết.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản.

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

|             | Năm nay                | Năm trước              |
|-------------|------------------------|------------------------|
| Trong nước  | 83.588.175.437         | 48.636.473.926         |
| Nước ngoài  | 69.895.168.937         | 88.126.868.472         |
| <b>Cộng</b> | <b>153.483.344.374</b> | <b>136.763.342.398</b> |

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                           | Chưa quá hạn<br>hoặc chưa bị<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>và/hoặc bị<br>giảm giá | Cộng                  |
|-------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                        |                                          |                                      |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 62.696.698.955                           | -                                    | 62.696.698.955        |
| Chứng khoán kinh doanh                    | 39.920                                   | -                                    | 39.920                |
| Phải thu khách hàng                       | 3.893.005.252                            | 1.556.092.875                        | 5.449.098.127         |
| Các khoản phải thu khác                   | 3.539.852.977                            | -                                    | 3.539.852.977         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 4.134.920.000                            | -                                    | 4.134.920.000         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>74.264.517.104</b>                    | <b>1.556.092.875</b>                 | <b>75.820.609.979</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                         |                                          |                                      |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 22.888.984.646                           | -                                    | 22.888.984.646        |
| Chứng khoán kinh doanh                    | 39.920                                   | -                                    | 39.920                |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.000.000.000                            | -                                    | 5.000.000.000         |
| Phải thu khách hàng                       | 10.621.273.320                           | 1.483.930.000                        | 12.105.203.320        |
| Các khoản phải thu khác                   | 2.623.219.178                            | -                                    | 2.623.219.178         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 4.134.920.000                            | -                                    | 4.134.920.000         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>45.268.437.064</b>                    | <b>1.483.930.000</b>                 | <b>46.752.367.064</b> |

### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | Từ 01 năm trở<br>xuống | Trên 01 năm<br>đến 05 năm | Cộng                 |
|-------------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                        |                           |                      |
| Phải trả người bán      | 2.401.119.321          | -                         | 2.401.119.321        |
| Các khoản phải trả khác | 37.730.000             | 1.035.000.000             | 1.072.730.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>2.438.849.321</b>   | <b>1.035.000.000</b>      | <b>3.473.849.321</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                         | <u>Từ 01 năm trở<br/>xuống</u> | <u>Trên 01 năm<br/>đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u>          |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| <b>Số đầu năm</b>       |                                |                                   |                      |
| Phải trả người bán      | 5.888.061.728                  | -                                 | 5.888.061.728        |
| Các khoản phải trả khác | -                              | 1.035.000.000                     | 1.035.000.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>5.888.061.728</b>           | <b>1.035.000.000</b>              | <b>6.923.061.728</b> |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

|                                                    | <b>Số cuối năm</b> |               | <b>Số đầu năm</b> |                  |
|----------------------------------------------------|--------------------|---------------|-------------------|------------------|
|                                                    | <b>USD</b>         | <b>EUR</b>    | <b>USD</b>        | <b>EUR</b>       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                 | 299.693,86         | 639,17        | 480.407,48        | 28.641,49        |
| Phải thu khách hàng                                | 215.797,32         | -             | 502.704,00        | -                |
| Phải trả người bán                                 | -                  | -             | -                 | -                |
| <b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b> | <b>515.491,18</b>  | <b>639,17</b> | <b>983.111,48</b> | <b>28.641,49</b> |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 260.333.356 VND (năm trước tăng/giảm 473.466.489 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

|                                           | Giá trị ghi sổ |                 |                |                 |                |                |
|-------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|----------------|
|                                           | Số cuối năm    |                 | Số đầu năm     |                 | Giá trị hợp lý |                |
|                                           | Giá gốc        | Dự phòng        | Giá gốc        | Dự phòng        | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 62.696.698.955 | -               | 22.888.984.646 | -               | 62.696.698.955 | 22.888.984.646 |
| Chứng khoán kinh doanh                    | 39.920         | -               | 39.920         | -               | 39.920         | 39.920         |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | -              | -               | 5.000.000.000  | -               | -              | 5.000.000.000  |
| Phải thu khách hàng                       | 5.449.098.127  | (1.556.092.875) | 12.105.203.320 | (1.483.930.000) | 3.893.005.252  | 10.621.273.320 |
| Các khoản phải thu khác                   | 3.539.852.977  | -               | 2.623.219.178  | -               | 3.539.852.977  | 2.623.219.178  |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 4.134.920.000  | -               | 4.134.920.000  | -               | 4.134.920.000  | 4.134.920.000  |
| Cộng                                      | 75.820.609.979 | (1.556.092.875) | 46.752.367.064 | (1.483.930.000) | 74.264.517.104 | 45.268.437.064 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### Nợ phải trả tài chính

|                         | Giá trị ghi sổ       |                      | Giá trị hợp lý       |                      |
|-------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                         | Số cuối năm          | Số đầu năm           | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Phải trả người bán      | 2.401.119.321        | 5.888.061.728        | 2.401.119.321        | 5.888.061.728        |
| Các khoản phải trả khác | 1.072.730.000        | 1.035.000.000        | 1.072.730.000        | 1.035.000.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>3.473.849.321</b> | <b>6.923.061.728</b> | <b>3.473.849.321</b> | <b>6.923.061.728</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Nguyễn Hoàng Anh  
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2025



Lương Hoàng Mạnh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Đơn vị tính: VND                               |                        |                      |                         |                  |                       |                                   |                 |
|------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------|
|                                                | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ     | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng            |
| Số dư đầu năm trước                            | 123.464.110.000        | 93.325.820.793       | 1.287.760.139           | (27.814.422.389) | 5.837.847.302         | 13.435.154.677                    | 209.536.270.522 |
| Lợi nhuận trong năm trước                      | -                      | -                    | -                       | -                | -                     | 703.150.885                       | 703.150.885     |
| Trích lập các quỹ trong năm trước              | -                      | -                    | -                       | -                | -                     | (70.315.089)                      | (70.315.089)    |
| Chia cổ tức trong năm trước                    | -                      | -                    | -                       | -                | -                     | (7.315.827.400)                   | (7.315.827.400) |
| Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát | -                      | -                    | -                       | -                | -                     | (217.500.000)                     | (217.500.000)   |
| Số dư cuối năm trước                           | 123.464.110.000        | 93.325.820.793       | 1.287.760.139           | (27.814.422.389) | 5.837.847.302         | 6.534.663.073                     | 202.635.778.918 |
| Số dư đầu năm nay                              | 123.464.110.000        | 93.325.820.793       | 1.287.760.139           | (27.814.422.389) | 5.837.847.302         | 6.534.663.073                     | 202.635.778.918 |
| Lợi nhuận trong năm nay                        | -                      | -                    | -                       | -                | -                     | (6.295.683.732)                   | (6.295.683.732) |
| Số dư cuối năm nay                             | 123.464.110.000        | 93.325.820.793       | 1.287.760.139           | (27.814.422.389) | 5.837.847.302         | 238.979.341                       | 196.340.095.186 |

*(Signature)*

Nguyễn Hoàng Anh  
Kế toán trưởng/Người lập



Lương Hoàng Mạnh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị